

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 101/2019/HS-ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mầu Văn Mùi.

Các Hội thẩm Nhân dân: Bà Trần Thị Thảo và bà Trần Thị Phụng

Thư ký phiên toà: Bà Kiều Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố

V

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2019/HS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 92/2019/HSST-QĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh ngày 22/7/1991; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; đoàn thể, Đảng phái: Không; con ông Nguyễn Văn L1 và Nguyễn Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1993; nơi cư trú: T 1, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người làm chứng: Anh Vũ Lam T, sinh năm 1999; nơi cư trú: Khu hành chính 8, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ tình cảm với chị Nguyễn Thị P nên Nguyễn Văn L thường xuyên được chị P cho mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS 88B1-26977 của chị, đăng ký chính chủ (bên trong cốp xe có bản sao Giấy đăng ký xe) để sử dụng đi lại. Khoảng tháng 3/2019, do cần tiền tiêu xài cá nhân, L nảy sinh ý định làm giả giấy đăng ký xe máy của chị P và Giấy chứng minh nhân dân của bản thân để đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Ngày 10/3/2019, L sử dụng

điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 của mình truy cập vào trang web: bangcapsieutoc.com nhắn tin nói chuyện với 01 người có tên có tên nick name Tuấn A (L không biết rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể của người này). Qua trao đổi L thuê Tuấn A làm giả 02 giấy đăng ký xe máy và 02 chứng minh nhân dân, yêu cầu giữ nguyên các thông tin trong giấy chứng minh nhân dân và đăng ký xe L gửi, chỉ thay tên Nguyễn Thị P trong giấy đăng ký xe bằng tên Nguyễn Văn L với giá 1.400.000đ/bộ (02 bộ với giá 2.800.000đ). Đến ngày 12/3/2019, có 01 nam giới (L không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) đến đưa L số giấy tờ giả gồm: 01 đăng ký xe máy Yamaha Exciter, BKS 88B1-26977 mang tên Nguyễn Văn L; 01 đăng ký xe máy Yamaha Exciter, BKS 88B1-26977 mang tên Nguyễn Thị P; 02 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn L. L kiểm tra thấy Tuấn A làm nhằm cho mình 01 đăng ký xe máy Yamaha Exciter, BKS 88B1-26977 mang tên Nguyễn Thị P nhưng không ý kiến gì và đưa cho nam giới này số tiền 2.800.000đ.

Khoảng 19 giờ ngày 14/3/2019, L một mình điều khiển xe máy BKS 88B1-26977, đem theo số giấy tờ giả trên đến Cửa hàng cầm đồ N T, địa chỉ tại số 49, phường N, thành phố V gặp anh Vũ Lam T (nhân viên cửa hàng cầm đồ) đã đặt vấn đề vay số tiền từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ, để lại đăng kí xe máy và chứng minh nhân dân của L làm tin. Sau khi kiểm tra giấy tờ, anh T nghi ngờ là giấy tờ giả nên đã báo cho Cơ quan công an đến kiểm tra, lập biên bản sự việc, tạm giữ của L: 01 xe máy Yamaha Exciter, BKS 88B1-26977; 02 chứng minh nhân dân đều mang tên Nguyễn Văn L (ký hiệu A1, A2); 01 giấy đăng ký xe máy BKS 88B1-26977 mang tên Nguyễn Văn L (ký hiệu A3) và 01 đăng ký xe máy BKS 88B1-26977 mang tên Nguyễn Thị Phụng (ký hiệu A4).

Tại bản Kết luận giám định số 597 ngày 11/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

“1. Chữ ký đứng tên Phùng Tiến Bộ trên 02 Giấy chứng minh nhân dân, số: 135486010 trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký dấu của Phùng Tiến Bộ trên mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải do cùng một con dấu đóng ra. Dòng họ tên có nội dung “Phùng Tiến Bộ” trên 02 giấy chứng minh nhân dân, số 135486010 trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với hình dấu dòng họ tên Phùng Tiến Bộ trên mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

2. Hình dấu tròn có nội dung “Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh Phúc” trên mẫu cần giám định ký hiệu A3, A4 so với hình dấu tròn có nội dung tương ứng trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

3. Bản in trên 02 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy trên mẫu cần giám định ký hiệu A3, A4 so với bản in trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số:

021429 trên mẫu so sánh ký hiệu M3 không phải do cùng một bản in in ra”.

Tại Cáo trạng số: 93/CT-VKSTPVY-VP ngày 24/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị P và người làm chứng là anh Vũ Lam T vắng mặt nhưng tại Cơ quan điều tra đã khai nhận như nội dung Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Xác nhận cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS: 88B1-26977; 01 đăng ký xe máy BKS: 88B1-26977 (bản photo công chứng); 01 giấy biên nhận thể chấp xe máy BKS: 88B1-26977 và 01 sổ hướng dẫn thanh toán cho chị Nguyễn Thị P; Tịch thu tiêu hủy 02 chứng minh nhân dân giả đều mang tên Nguyễn Văn L; 01 đăng ký xe máy giả mang tên Nguyễn Văn L và 01 đăng ký xe máy giả mang tên Nguyễn Thị P.

Bị cáo không có bào chữa, tranh luận khác. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn L tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng Biên bản bắt người phạm tội quả tang, các vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận:

Sau khi Nguyễn Văn L thuê người có tên có tên nick name Tuấn Anh (không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) làm giấy tờ giả gồm: 01 đăng ký xe máy Yamaha Exciter, BKS 88B1-26977 mang tên Nguyễn Văn L; 01 đăng ký xe máy Yamaha Exciter, BKS 88B1-26977 mang tên Nguyễn Thị P; 02 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn L ngày và nhận được giấy tờ giả 12/3/2019. Khoảng 19 giờ ngày 14/3/2019, tại Cửa hàng cầm đồ NT, địa chỉ tại số 49, phường N,

thành phố V, Bị cáo Nguyễn Văn L có hành vi sử dụng Giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Nguyễn Văn L và Giấy đăng ký xe máy BKS 88B1-26977 giả mang tên Nguyễn Văn L thực hiện hành vi làm thủ tục thế chấp để vay tiền của Cửa hàng cầm đồ NT thì bị phát hiện, bắt giữ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn L đã phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác. Bảo vệ sự an toàn của con dấu và các tài liệu, giấy tờ trên cũng chính là bảo đảm sự hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính của Nhà nước về con dấu và các loại tài liệu, giấy tờ này. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 02 năm tù nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Tuy nhiên, bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Đối với các người có liên quan đến vụ án gồm: Đối với chị Nguyễn Thị P là chủ sở hữu chiếc xe máy BKS 88B1-269.77, do chiếc xe đang được thế chấp tại Công ty tài chính TNHH HD SG (nơi cho vay tiền) nên giấy đăng ký gốc Công ty quản lý, bàn giao cho chị P bản phô tô đóng dấu đỏ của công ty, chị P để

ở trong cốp xe phục vụ đi lại. Chị P thường xuyên cho L mượn chiếc xe máy nêu trên phục vụ đi lại và ngày 14/3/2019, L mượn xe của chị P đi có việc rồi đi đến cửa hàng cầm đồ N T cầm cố giấy đăng ký và chứng minh nhân dân giả. Việc L sử dụng thông tin trong bản phô tô đăng ký xe máy BKS 88B1-269.77 mang tên Nguyễn Thị P để làm giả giấy đăng ký xe mang tên L và việc L đem giấy tờ giả nêu trên đi cầm cố chị P đều không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị P. Ngày 15/6/2019, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại xe máy cùng toàn bộ giấy tờ chị P đã giao nộp trước đó, chị Phượng đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Hành vi Nguyễn Văn L sử dụng Giấy đăng ký xe máy BKS 88B1-269.77 và Chứng minh nhân dân đều mang tên Nguyễn Văn L giả để đặt vấn đề cầm cố vay số tiền từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ có dấu hiệu của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, hành vi gian dối của L bị phát hiện trước khi anh Vũ Lam T (người bị lừa dối) đồng ý giao tài sản nên L chưa đạt được thỏa thuận vay tiền với anh Trường, chưa nhận được tài sản. Do đó, không đủ căn cứ khởi tố L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 hoặc tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự (*d, Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng ...*).

Đối với người có nick name Tuấn Anh theo L khai nhận đã tiếp nhận thông tin, làm chứng minh nhân dân và đăng ký xe máy giả bán cho L, quá trình điều tra chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với nam giới đã gặp đưa L toàn bộ số giấy tờ giả, thu 2.800.000đ của L do L không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[6] Về vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 bị cáo sử dụng để liên lạc đặt mua chứng minh nhân dân và đăng ký xe máy giả, quá trình điều tra bị cáo khai nhận do điện thoại bị vỡ, hỏng nên đã vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Đối với 02 chứng minh nhân dân giả đều mang tên Nguyễn Văn L, sinh năm 1991, trú tại: Đ - T- Vĩnh Phúc; 01 đăng ký xe máy giả BKS 88B1-26977 mang tên Nguyễn Văn L, địa chỉ: Đ - T - Vĩnh Phúc và 01 đăng ký xe máy giả mang tên Nguyễn Thị P, địa chỉ: T - K - V - Vĩnh Phúc thu giữ của Nguyễn Văn L là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 09 (chín) tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 02 chứng minh nhân dân đều mang tên Nguyễn Văn L; 01 đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Văn L và 01 đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Thị P.

(Đặc điểm tang vật như Biên bản bàn giao vật chứng, tài sản ngày 16/8/2019).

3. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND TP V;
- Công an TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Màu Văn Mùi